| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ MỸ THO**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2022
*V/v tranh chấp "Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thúy Hằng.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Tất Ái.
2. Bà Lê Thị Thu Yến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Minh Cường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 332/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm: 1990;
Địa chỉ: Ấp C, xã M, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Nhựt N, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Số R, tổ V, ấp G, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị Y, vắng mặt anh N)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Nhựt N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/7/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chăm lo gia đình vợ con, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh N không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã sống ly thân với anh N từ năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc N, sinh ngày 28/8/2013.

Chị Y yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Nhựt N đã được Toà án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Y.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị Y là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Nhựt N kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân Phường B, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/7/2013. Ngày 11/5/2021 chị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh N cư trú tại số R, tổ V, ấp G, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Nguyễn Nhựt N đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Nhựt N được Ủy ban nhân dân Phường B, TP M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chị Y cho rằng anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Y khởi kiện để được ly hôn với anh N.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh N đến để tham dự phiên toà, nhưng anh N vắng mặt không có lý do,

nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh N không đến dự phiên toà là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa chị Y trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh N nên đã nộp đơn ly hôn và vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Phúc N, sinh ngày 28/8/2013. Tại phiên tòa chị Y yêu cầu giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu N hiện nay chưa đủ 18 tuổi, đang trực tiếp chung sống với chị Y và cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ, nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn của chị Y là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không có yêu cầu. Anh N có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Nhựt N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc N, sinh ngày 28/8/2013 cho chị Lê Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Nhựt N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Y đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005742 ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Nhựt N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND Phường B, TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thúy Hằng**